

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Lê Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn G, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Du C, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn G, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 08 tháng 5 năm 2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Du C kết hôn với nhau năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa bà Đ và ông Du C là do mai mối mới đi đến kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn mà bà Đ yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, xúc phạm lẫn nhau, ông Du C thường hay nhậu rượu không quan tâm đến gia đình, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn gia đình hai bên đã được hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không thể duy trì được nên yêu cầu ly hôn với ông Du C.

Về con chung: Bà Đ và ông Du C có 02 người con chung tên: Du Linh H, sinh năm 1993; Du Chí L, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Du C Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho ông Du C nhưng ông Du C vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đ vẫn bảo lưu quan điểm là: yêu cầu xin được ly hôn với ông Du C, về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Du C vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Du C đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng ông Du C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Du C tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, hiện nay bà Đ và ông Du C không còn sống chung với nhau, bà Đ xác định vợ chồng mâu thuẫn gia đình xảy ra đã hàn gắn nhưng không có kết quả nên cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Du C. Ông Du C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông Du C vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Do đó mặt nhiên ông Du C đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do bà Đ và ông Du C kết hôn với nhau năm 1992 nhưng hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo luật định vì vậy hôn nhân giữa bà Đ và ông Du C là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa bà Đ và ông Du C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Du C có 02 người con chung tên: Du Linh H sinh năm 1993 và Du Chí L sinh năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Du C tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của bà Đ được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Du C tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Du C là vợ chồng.
- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Nguyễn Thị Đ và ông Du C có hai người con chung tên: Du Linh H sinh năm 1993 và Du Chí L sinh năm 1995, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà Trương Thị Đ và ông Du C tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Trương Thị Đ phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của bà Trương Thị Đ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013600 ngày 08 tháng 5 năm 2017 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

